

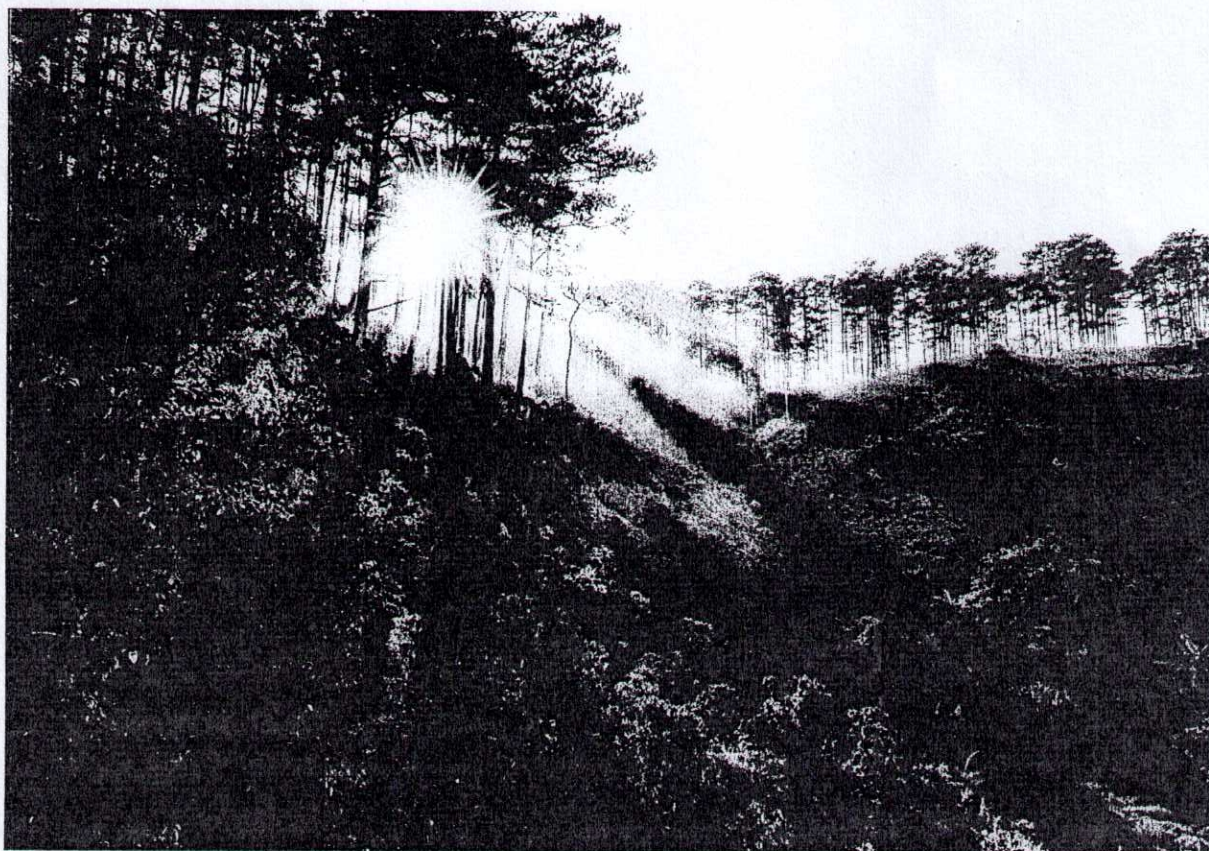


SỔ TAY

HƯỚNG DẪN QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

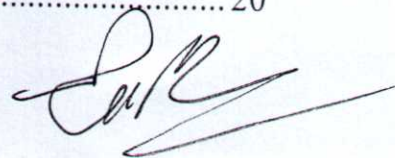
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 455/QĐ-TCLN-KHTC ngày 15 tháng 10 năm 2018
của Tổng cục Lâm nghiệp)



MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	1
LỜI MỞ ĐẦU	2
PHẦN I. QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG	3
I. TỔNG QUAN VỀ QUỸ	3
1. Địa vị pháp lý của Quỹ	3
2. Mục đích thành lập Quỹ	3
3. Nguyên tắc hoạt động Quỹ	3
4. Điều kiện thành lập Quỹ	3
5. Tổ chức bộ máy và mối quan hệ của Quỹ	3
6. Nhiệm vụ của Quỹ	4
II. NGUỒN TÀI CHÍNH VÀ CƠ CHẾ TÀI CHÍNH QUỸ	6
1. Nguồn tài chính	6
2. Cơ chế tài chính	6
III. PHƯƠNG ÁN TỰ CHỦ TÀI CHÍNH VÀ QUY CHẾ CHI TIÊU NỘI BỘ CỦA QUỸ	8
1. Phương án tự chủ tài chính	8
2. Quy chế chi tiêu nội bộ	11
PHẦN II. QUẢN LÝ CÁC NGUỒN TÀI CHÍNH QUỸ	11
Mục 1. CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG	12
I. TỔNG QUAN VỀ CHÍNH SÁCH	13
1. Mục đích của chính sách	13
2. Loại rừng và loại dịch vụ được trả tiền	13
3. Đối tượng được trả và phải trả tiền	13
4. Nguyên tắc và hình thức chi trả	14
II. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TIỀN	15
1. Đối với Quỹ Trung ương	15
2. Đối với Quỹ Tỉnh	17
III. LẬP VÀ PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH THU, CHI	19
1. Quy định chung	19
2. Nội dung, trình tự lập kế hoạch thu chi	19
IV. TẠM ỨNG, THANH TOÁN VÀ QUYẾT TOÁN	20
1. Mở tài khoản	20
2. Tạm ứng, thanh toán	20



3. Quyết toán.....	20
IV. CHÍNH SÁCH THUẾ	21
1. Thuế giá trị gia tăng	21
2. Thuế thu nhập cá nhân	21
3. Thuế thu nhập doanh nghiệp.....	21
Mục 2. TRỒNG RỪNG THAY THẾ.....	21
I. QUY ĐỊNH CHUNG	21
II. TIẾP NHẬN, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TIỀN.....	21
1. Mở tài khoản, tiếp nhận tiền	21
2. Quản lý và sử dụng tiền	22
3. Phân bổ vốn, thanh toán, quyết toán và kiểm soát chi.....	23
Mục 3. VIỆN TRỢ NƯỚC NGOÀI	24
I. QUY ĐỊNH CHUNG	24
1. Nguồn viện trợ	24
2. Phương thức viện trợ.....	24
3. Nguyên tắc cơ bản quản lý nguồn viện trợ:.....	24
II. NỘI DUNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH.....	25
1. Mở tài khoản tiếp nhận viện trợ.....	25
2. Xác nhận viện trợ.....	25
3. Lập kế hoạch tài chính	26
4. Chế độ mua sắm và định mức chi tiêu.....	26
5. Quyết toán.....	27
6. Quản lý, xử lý tài sản	27
I. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN.....	27
1. Tổ chức bộ máy kế toán.....	27
2. Chế độ kế toán và hệ thống tài khoản kế toán	27
3. Chứng từ và sổ kế toán	29
4. Báo cáo quyết toán.....	30
5. Báo cáo tài chính.....	30
II. PHƯƠNG PHÁP HẠCH TOÁN MỘT SỐ NGHIỆP VỤ CHỦ YẾU	31
1. Hạch toán thu chi nguồn tài chính Quỹ	31
2. Hạch toán thu chi hoạt động bộ máy Quỹ	33
III. SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN MỘT SỐ NGHIỆP VỤ CHỦ YẾU	38
1. Sơ đồ hạch toán thu chi tiền ủy thác, tiền TRTT.....	38



2. Sơ đồ hạch toán nguồn viện trợ	39
3. Sơ đồ hạch toán xác định kết quả hoạt động bộ máy	39
4. Sơ đồ hạch toán mua TSCĐ.....	40
TÀI LIỆU THAM KHẢO	41
PHỤ LỤC.....	43



DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BĐH	Ban Điều hành
BKS	Ban Kiểm soát
CCDC	Công cụ dụng cụ
DVMTR	Dịch vụ môi trường rừng
HĐQL	Hội đồng Quản lý
NH, KH	Ngân hàng, Kho bạc
NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
NVL	Nguyên vật liệu
PCPNN	Phi chính phủ nước ngoài
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TK	Tài khoản
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TRTT	Trồng rừng thay thế
TSCĐ	Tài sản cố định
TW	Trung ương
UBND	Ủy Ban nhân dân
XDCB	Xây dựng cơ bản



LỜI MỞ ĐẦU

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng được thành lập theo Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 của Chính phủ; sau 10 năm triển khai thực hiện đến năm 2018 đã có 45 Quỹ được thành lập trên toàn quốc, đã huy động nguồn tài chính góp phần quản lý bảo vệ trên 5 triệu ha rừng và cải thiện sinh kế cho người làm nghề rừng.

Thời gian qua, Chính phủ và các Bộ ngành đã ban hành nhiều văn bản liên quan đến cơ chế tài chính, chế độ kế toán, quản lý sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng (DVMTR), tiền trồng rừng thay thế đối với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng. Ngày 15/11/2017, Quốc hội đã thông qua Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14; tại Điều 95 của Luật Lâm nghiệp khẳng định “Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; tổ chức, hoạt động theo loại hình đơn vị sự nghiệp công lập, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập”.

Từ thực tiễn trên, để hệ thống Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tiếp tục triển khai, vận hành đồng bộ và thống nhất trên toàn quốc, Tổng cục Lâm nghiệp giao Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam với trách nhiệm là cơ quan chủ trì, hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn, phối hợp với Trung tâm nghiên cứu Lâm nghiệp quốc tế (CIFOR) xây dựng Sổ tay “Hướng dẫn quản lý tài chính Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng”.

Sổ tay được xây dựng dựa trên cơ sở các quy định hiện hành của nhà nước, kết hợp với việc tham vấn các chuyên gia trong lĩnh vực tài chính, kế toán và các bên có liên quan. Hy vọng Sổ tay là bộ công cụ hữu hiệu giúp hệ thống Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tổ chức quản lý tài chính, hạch toán kế toán, phản ánh một cách có hệ thống, chính xác, đầy đủ, kịp thời tình hình tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn tài chính, thiết lập hệ thống báo cáo công khai, minh bạch; giúp cho các nhà quản lý thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình tuân thủ, chấp hành các quy định của nhà nước.

Sổ tay gồm 03 phần như sau:

- Phần I: Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng.
- Phần II: Quản lý các nguồn tài chính Quỹ.
- Phần III: Chế độ kế toán

Tổng cục Lâm nghiệp trân trọng cảm ơn Trung tâm nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế (CIFOR) đã hỗ trợ tài chính cho việc xây dựng Sổ tay; cảm ơn các cá nhân, đơn vị đã đóng góp ý kiến trong quá trình soạn thảo tài liệu này.

TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP



PHẦN I. QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

I. TỔNG QUAN VỀ QUỸ

1. Địa vị pháp lý của Quỹ

Ngày 15/11/2017, Quốc hội đã thông qua Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14, tại Điều 95 của Luật Lâm nghiệp quy định “Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; tổ chức, hoạt động theo loại hình đơn vị sự nghiệp công lập, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập”.

2. Mục đích thành lập Quỹ

a) Huy động các nguồn lực của xã hội để bảo vệ và phát triển rừng, góp phần thực hiện chủ trương xã hội hoá nghề rừng;

b) Nâng cao nhận thức và trách nhiệm đối với công tác bảo vệ và phát triển rừng của những người được hưởng lợi từ rừng hoặc có các hoạt động ảnh hưởng trực tiếp đến rừng;

c) Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý, sử dụng và bảo vệ rừng cho các chủ rừng.

3. Nguyên tắc hoạt động Quỹ

a) Hoạt động không vì mục đích lợi nhuận;

b) Chi hỗ trợ cho chương trình, dự án hoặc hoạt động phi dự án liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng mà ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng đủ yêu cầu đầu tư;

c) Đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả; quản lý, sử dụng đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Điều kiện thành lập Quỹ

a) Có khả năng huy động các nguồn tài chính và tổ chức quản lý Quỹ, đảm bảo Quỹ hoạt động ổn định và lâu dài;

b) Có đề án (phương án) thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

5. Tổ chức bộ máy và mối quan hệ của Quỹ

5.1. Tổ chức bộ máy Quỹ

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng bao gồm:

a) Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam (Quỹ Trung ương) do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông nghiệp quyết định thành lập và quản lý. Quỹ có tư cách



pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng và Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật. Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ gồm có:

- Hội đồng Quản lý;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Điều hành.

b) Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh (Quỹ cấp tỉnh) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, Quỹ trực thuộc UBND tỉnh hoặc Sở NN&PTNT. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng và Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật. Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ gồm có:

- Hội đồng Quản lý;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Điều hành.

5.2. Môi quan hệ của Quỹ

a) Quỹ Trung ương

- Điều phối tiền dịch vụ môi trường rừng và các nguồn ủy thác khác cho Quỹ cấp tỉnh;
- Hỗ trợ tài chính, hỗ trợ kỹ thuật cho Quỹ cấp tỉnh;
- Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ cho Quỹ cấp tỉnh;
- Tổ chức trao đổi, học tập kinh nghiệm về nghiệp vụ quản lý giữa các Quỹ cấp tỉnh;
- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng kinh phí của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh.

b) Quỹ cấp tỉnh

- Tiếp nhận, quản lý, sử dụng các nguồn tài chính, hỗ trợ kỹ thuật từ Quỹ Trung ương;
- Chịu sự kiểm tra, giám sát của Quỹ Trung ương về quản lý, sử dụng kinh phí của Quỹ;
- Báo cáo tình hình quản lý và sử dụng Quỹ cho Quỹ Trung ương để tổng hợp báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

6. Nhiệm vụ của Quỹ

6.1. Quỹ Trung ương

a) Rà soát, ký kết hợp đồng, tiếp nhận và quản lý nguồn tiền ủy thác chi trả dịch vụ môi trường rừng;

b) Vận động, tiếp nhận và quản lý các nguồn tài chính ủy thác; nguồn viện trợ, tài trợ, đóng góp tự nguyện, ủy thác của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước; nguồn tài chính hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước;

c) Tiếp nhận, quản lý tiền trồng rừng thay theo quy định;

d) Tổ chức thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các chương trình, dự án và các hoạt động phi dự án do Quỹ hỗ trợ;

đ) Làm đầu mối giúp Tổng cục lâm nghiệp tổ chức kiểm tra, giám sát việc thu nộp và chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng do Quỹ điều phối tại quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh;

e) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các đối tượng được hưởng nguồn tài chính do Quỹ hỗ trợ;

g) Thực hiện các quy định của pháp luật về tài chính, thống kê, kế toán và kiểm toán; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng Quỹ cho cấp có thẩm quyền;

h) Kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành, bổ sung, sửa đổi các quy định về đối tượng, hoạt động được hỗ trợ từ Quỹ;

i) Tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tình hình thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng hằng năm của cả nước;

k) Thực hiện tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật có liên quan;

l) Thực hiện các nhiệm vụ khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao hoặc quy định.

6.2. Quỹ cấp tỉnh

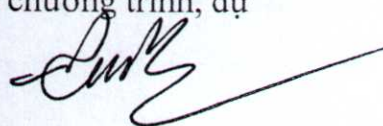
a) Rà soát, ký kết hợp đồng, tiếp nhận và quản lý nguồn tiền ủy thác chi trả dịch vụ môi trường rừng;

b) Vận động, tiếp nhận và quản lý các nguồn tài chính ủy thác khác; nguồn viện trợ, tài trợ, đóng góp tự nguyện, của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước; nguồn tài chính hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước;

c) Tiếp nhận, quản lý tiền trồng rừng thay thế theo quy định;

d) Làm đầu mối giúp cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, giám sát việc quản lý sử dụng kinh phí quản lý, việc thanh toán tiền dịch vụ môi trường rừng cho các hộ nhận khoán bảo vệ rừng của các chủ rừng có khoán bảo vệ rừng;

đ) Tổ chức thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các chương trình, dự án và các hoạt động phi dự án do Quỹ hỗ trợ;



e) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các đối tượng được hưởng nguồn tài chính do Quỹ hỗ trợ;

g) Thực hiện các quy định của pháp luật về tài chính, thống kê, kế toán và kiểm toán; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng Quỹ cho cấp có thẩm quyền;

h) Kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành, bổ sung, sửa đổi các quy định về đối tượng, hoạt động được hỗ trợ từ Quỹ;

i) Báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam về tình hình thu chi tiền dịch vụ môi trường rừng của địa phương hàng năm;

k) Thực hiện tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật có liên quan.

l) Thực hiện các nhiệm vụ khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao hoặc quy định.

II. NGUỒN TÀI CHÍNH VÀ CƠ CHẾ TÀI CHÍNH QUỸ

1. Nguồn tài chính

Nguồn tài chính của Quỹ bao gồm:

a) Tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng; tiền uỷ thác của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo hợp đồng uỷ thác liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng;

b) Tiền trồng rừng thay thế do chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

c) Tiền tài trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước;

d) Các nguồn tài chính hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước.

2. Cơ chế tài chính

Quỹ thực hiện cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập được quy định tại Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác và Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP. Nguồn tài chính thực hiện cơ chế tự chủ là nguồn kinh phí chi hoạt động của Quỹ, cụ thể:

2.1. Xác định mức độ tự chủ tài chính của Quỹ

Mức độ tự chủ tài chính của Quỹ được thể hiện bằng mức độ tự bảo đảm chi thường xuyên. Cách xác định mức độ tự bảo đảm chi thường xuyên như sau: